

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU

- ▶ Tháng 11/2020, giá hạt tiêu đen trên thị trường đồng loạt tăng mạnh tại các vùng sản xuất, riêng tại Ma-lai-xi-a giữ ổn định.
- ▶ Giá hạt tiêu đen trong nước tháng 11/2020 tăng mạnh so với cuối tháng 10/2020.
- ▶ Theo ước tính, xuất khẩu hạt tiêu tháng 11/2020 đạt 21 nghìn tấn, trị giá 53 triệu USD, tăng mạnh so với tháng 11/2019.
- ▶ Thị phần hạt tiêu Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Đức tăng từ 40,7% trong 9 tháng đầu năm 2019 lên 40,9% trong 9 tháng năm 2020.

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU THẾ GIỚI

Tháng 11/2020, giá hạt tiêu đen trên thị trường đồng loạt tăng mạnh tại các vùng sản xuất, nhưng ổn định tại Ma-lai-xi-a. Nhu cầu tiêu thụ hạt tiêu có xu hướng tăng nhanh vào dịp cuối năm, trong khi sản lượng giảm tại nhiều vùng sản xuất lớn.

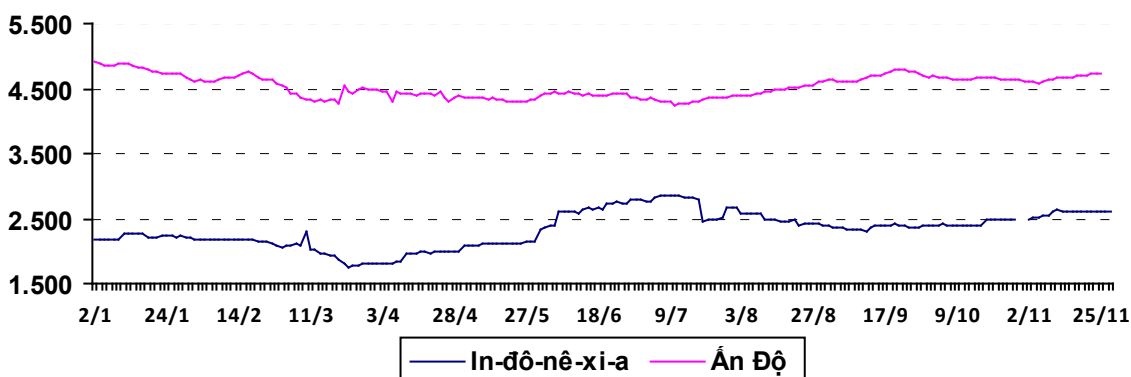
+ Tại Bra-xin, ngày 28/11/2020 giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 150 USD/tấn (tương đương mức tăng 5,7%) so với ngày 30/10/2020, lên mức 2.800 USD/tấn.

+ Tại cảng Kochi (Ấn Độ), giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng 131 USD/tấn (tăng 2,8%) so với ngày 30/10/2020, lên mức



4.754 USD/tấn.

Diễn biến giá hạt tiêu đen xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a và Ấn Độ từ đầu năm 2020 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



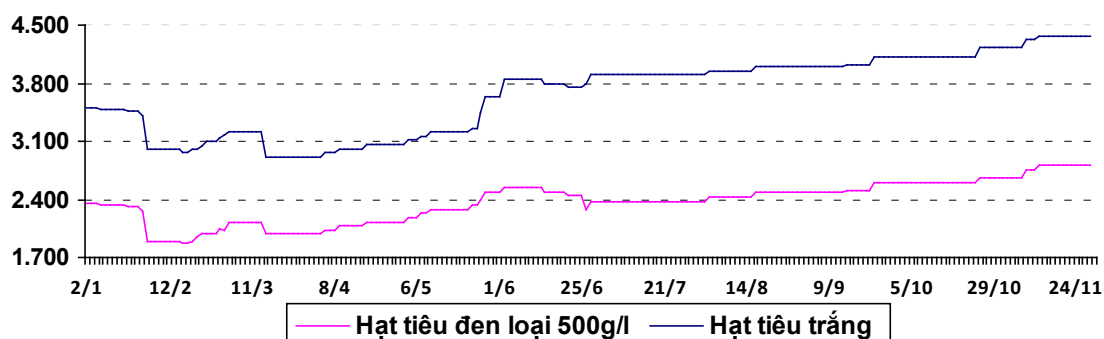
Nguồn: Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC)

+ Tại cảng Lampung ASTA của In-đô-nê-xi-a, ngày 28/11/2020 giá hạt tiêu đen xuất khẩu tăng mạnh 116 USD/tấn (tăng 4,7%) so với cuối tháng 10/2020, lên mức 2.608 USD/tấn; giá xuất khẩu hạt tiêu trắng tại cảng Muntok tăng mạnh 323 USD/tấn (tăng 7,5%) so với cuối tháng 10/2020, lên mức 4.606 USD/tấn.

+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí

Minh của Việt Nam, ngày 28/11/2020, giá hạt tiêu đen loại 500g/l và 550g/l xuất khẩu cùng tăng 150 USD/tấn (trung đương mức tăng 5,7%) so với ngày 30/10/2020, lên mức 2.805 USD/tấn và 2.886 USD/tấn; giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 150 USD/tấn (tăng 5,7%) so với ngày 30/10/2020, lên mức 4.375 USD/tấn.

Diễn biến giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu của Việt Nam từ đầu năm 2020 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Hiệp hội hạt tiêu Quốc tế (IPC)

+ Tại cảng Hà Khẩu (Trung Quốc), ngày 28/11/2020 giá hạt tiêu trắng xuất khẩu tăng 200 USD/tấn so với ngày 30/10/2020, lên mức 5.050 USD/tấn.

+ Tại cảng Kuching của Ma-lai-xi-a, ngày 28/11/2020 giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu ổn định ở mức 3.675 USD/

tấn và 4.900 USD/tấn.

Dự báo giá hạt tiêu sẽ tăng trong thời gian tới. Nguồn cung hạt tiêu thiếu hụt do mùa vụ 2020/21 dự kiến sẽ thu hoạch trễ hơn. Tâm lý găm giữ hàng có thể sẽ diễn ra, tạo thêm áp lực cạnh tranh mua trên thị trường.



TRONG NƯỚC: GIÁ HẠT TIÊU TĂNG MẠNH

Tháng 11/2020, giá hạt tiêu đen trong nước tăng mạnh so với cuối tháng 10/2020. Ngày 28/11/2020, giá hạt tiêu đen tăng từ 4.000 - 4.5000 đồng/kg (tương đương mức tăng 7,3 - 8,6%) so với ngày 30/10/2020. Mức tăng cao nhất là 4.500 đồng/kg tại các huyện Ea H'leo tỉnh Đắk Lắk, huyện Chư Sê tỉnh Gia Lai, huyện Gia Nghĩa tỉnh Đắk Nông, lên mức 56.500 - 57.000 đồng/kg. Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giá hạt tiêu đen ở mức cao nhất là 58.500 đồng/kg. Giá hạt tiêu trắng tăng 7.000 đồng/kg (tăng 9,8%) so với cuối tháng 10/2020, lên mức 78.000 đồng/kg và tăng mạnh 14.500 đồng/kg (tăng 22,8%) so với cùng kỳ năm 2019.

Giá hạt tiêu tại một số tỉnh/huyện khu vực khảo sát ngày 28/11/2020

Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Đơn giá (đồng/kg)	So với ngày 30/10/2020 (%)
Đắk Lắk		
Ea H'leo	57.000	8,6
Gia Lai		
Chư Sê	56.500	8,7
Đắk Nông		
Gia Nghĩa	57.000	8,6
Bà Rịa - Vũng Tàu	58.500	7,3
Bình Phước	57.500	7,5
Đồng Nai	56.000	7,7

Nguồn: Tintaynguyen.com

XUẤT KHẨU HẠT TIÊU THÁNG 11/2020 TĂNG SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2019

Theo ước tính, xuất khẩu hạt tiêu tháng 11/2020 đạt 21 nghìn tấn, trị giá 53 triệu USD, giảm 4,5% về lượng và giảm 1,1% về trị giá so với tháng 10/2020, so với tháng 11/2019 tăng 23,6% về lượng và tăng 33,5% về trị giá. Tính chung 11 tháng năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu ước đạt 263 nghìn tấn, trị giá 596 triệu USD, giảm 1,7% về lượng và giảm 11,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

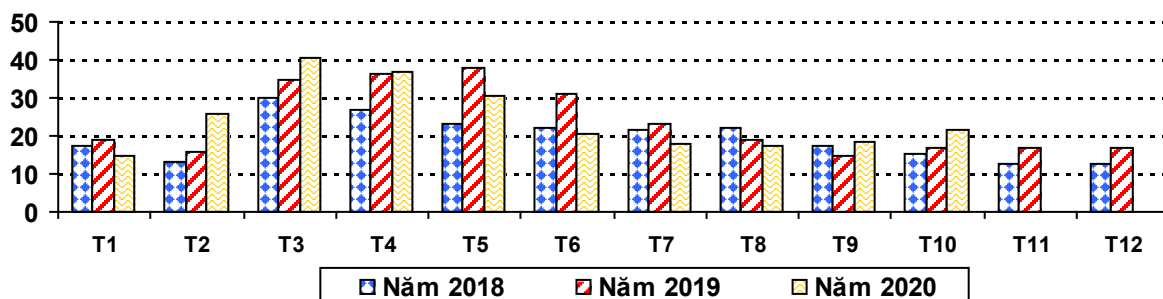
Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu tháng 11/2020 ước đạt 2.543 USD/tấn, tăng 3,6% so với tháng 10/2020 và tăng 8,1% so với tháng 11/2019. Tính chung 11 tháng năm

2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu ước đạt 2.268 USD/tấn, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2019.

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt tiêu tháng 10/2020 đạt 21,6 nghìn tấn, trị giá 53,76 triệu USD, tăng 18,5% về lượng và tăng 17,5% về trị giá so với tháng 9/2020, so với tháng 10/2019 tăng 27,6% về lượng và tăng 31,2% về trị giá. Tuy nhiên trong 10 tháng năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu giảm 3,5% về lượng và giảm 14,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 241,8 nghìn tấn, trị giá 543,1 triệu USD.

Lượng xuất khẩu hạt tiêu qua các tháng năm 2018-2020

(Đvt: nghìn tấn)

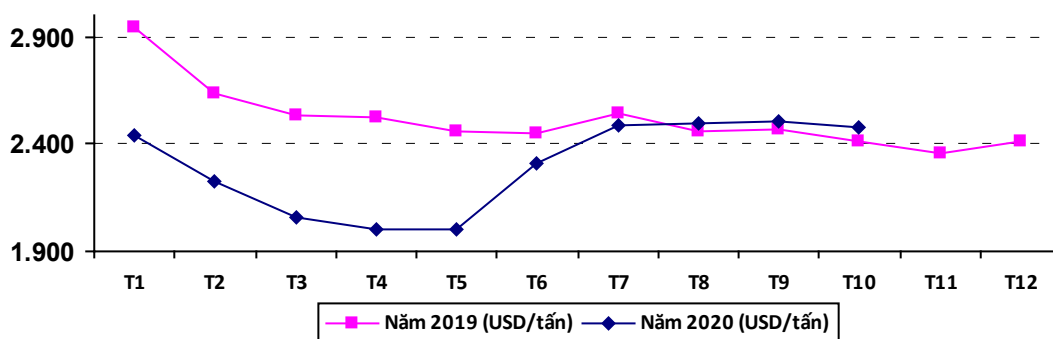


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 10/2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu đạt mức 2.482 USD/tấn, giảm 0,9% so với tháng 9/2020, nhưng tăng 2,8% so với tháng 10/2019. Tính chung 10 tháng năm

2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu đạt mức 2.246 USD/tấn, giảm 11,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Giá xuất khẩu trung bình mặt hàng hạt tiêu năm 2019 - 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tháng 10/2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang nhiều thị trường tăng so với tháng 10/2019, gồm: Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, Đức, Ca-na-đa, Ba Lan, Hàn Quốc...; ngược lại giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang Hà Lan và Úc giảm.

Trong 10 tháng năm 2020, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang tất cả các thị trường giảm so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang thị trường Đức giảm 4,1%, xuống mức 2.780,5 USD/tấn; Hà Lan giảm 8,4%, xuống mức 3.074,2 USD/tấn.



Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu sang 10 thị trường đạt mức cao trong tháng 10 và 10 tháng năm 2020

Thị trường	Giá XKBQ tháng 10/2020 (USD/tấn)	So với tháng 10/2019 (%)	Giá XKBQ 10 tháng 2020 (USD/tấn)	So với cùng kỳ năm 2019 (%)
Xin-ga-po	3.735,5	39,1	2.358,1	-7,2
Ma-lai-xi-a	3.356,4	18,6	2.652,3	-2,6
Thái Lan	3.241,1	7,2	2.869,1	-4,6
Đức	3.110,5	10,1	2.780,5	-4,1
Ca-na-đa	2.951,3	8,8	2.739,6	-5,2
Ba Lan	2.868,0	21,5	2.230,3	-13,3
Hàn Quốc	2.842,0	6,6	2.524,6	-8,2
Hà Lan	2.806,5	-9,4	3.074,2	-8,4
Ả Rập Xê út	2.805,6	23,4	2.337,3	-6,8
Úc	2.795,6	-2,0	2.824,2	-12,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường

Tháng 10/2020, xuất khẩu hạt tiêu sang một số thị trường chính tăng so với tháng 10/2019, gồm: Hoa Kỳ, Ấn Độ, Các Tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất, Đức, Pa-ki-xtan, Hà Lan, Phi-líp-pin, Hàn Quốc; ngược lại, xuất khẩu hạt tiêu sang các thị trường chính khác giảm, gồm: Ai Cập, Nga.

Trong 10 tháng năm 2020, xuất khẩu hạt

tiêu sang thị trường nhiều thị trường chính tăng cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2019, gồm: Các Tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất, Ai Cập, Phi-líp-pin, Hàn Quốc, Anh; ngược lại xuất khẩu hạt tiêu sang một số thị trường khác giảm, như: Ấn Độ, Đức, Pa-ki-xtan. Trong khi đó, xuất khẩu hạt tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tăng về lượng, nhưng giảm về trị giá.

Thị trường xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong tháng 10 và 10 tháng năm 2020

Thị trường	Tháng 10/2020		So với tháng 10/2019 (%)		10 tháng năm 2020		So với cùng kỳ năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Hoa Kỳ	5.024	12.708	17,7	10,7	47.548	118.894	6,0	-3,1
Ấn Độ	491	1.252	4,2	17,4	11.023	24.704	-38,2	-42,9
Các Tiểu vương Quốc Ả rập Thống nhất	863	2.197	20,7	43,0	10.799	24.152	14,4	10,1
Đức	867	2.697	90,5	109,7	9.432	26.226	-4,2	-8,1
Pa-ki-xtan	534	1.256	17,6	41,5	8.978	18.595	-4,0	-16,5

Thị trường	Tháng 10/2020		So với tháng 10/2019 (%)		10 tháng năm 2020		So với cùng kỳ năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Ai Cập	149	395	-65,4	-48,0	7.816	14.765	24,4	11,6
Hà Lan	599	1.681	34,3	21,7	6.494	19.964	-6,4	-14,3
Phi-líp-pin	576	1.274	24,9	37,3	5.639	11.956	17,2	17,6
Nga	482	1.160	-37,0	-26,1	5.088	10.992	0,9	-0,5
Hàn Quốc	309	878	143,3	159,3	5.034	12.709	19,5	9,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về chủng loại: Tháng 10/2020, xuất khẩu hạt tiêu đen đạt 15,9 nghìn tấn, trị giá 36,87 triệu USD, tăng 34,3% về lượng và tăng 42,4% về trị giá so với tháng 10/2019. Trong 10 tháng năm 2020, xuất khẩu hạt tiêu đen đạt 200,7 nghìn tấn, trị giá 415,82 triệu USD, tăng 0,7% về lượng, nhưng giảm 11,5% về trị

giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, xuất khẩu hạt tiêu đen sang một số thị trường chính giảm, gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Đức, Ai-len, Nê-pan; ngược lại, xuất khẩu hạt tiêu đen sang các thị trường chính khác tăng, như: Hoa Kỳ, Các tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất, Pa-ki-xtan, Ai Cập, Phi-líp-pin.

Chủng loại hạt tiêu xuất khẩu tháng 10 và 10 tháng năm 2020

Chủng loại	Tháng 10/2020		So với tháng 10/2019 (%)		10 tháng năm 2020		So với cùng kỳ năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Hạt tiêu đen	15.893	36.876	34,3	42,4	200.736	415.817	0,7	-11,5
Hạt tiêu đen xay	2.833	7.603	19,2	14,2	27.097	75.740	35,3	25,3
Hạt tiêu trắng	1.454	5.329	5,0	19,4	19.552	61.442	4,4	-3,3
Hạt tiêu trắng xay	557	1.653	2,5	-15,1	3.836	13.409	-37,6	-44,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT TIÊU CỦA ĐỨC 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê mới nhất từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu hạt tiêu của Đức trong 8 tháng đầu năm 2020 đạt 21,5 nghìn tấn, trị giá 62,6 triệu USD, giảm 3,2% về lượng và giảm 16,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Đức trong 8 tháng đầu năm 2020 đạt mức 2.913 USD/tấn, giảm 13,7% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá nhập khẩu bình quân hạt tiêu của Đức giảm từ hầu hết các nguồn cung chính, nhưng tăng từ Ê-cu-a-đo và Cộng hòa Séc.

10 thị trường cung cấp hạt tiêu lớn nhất cho Đức trong 8 tháng đầu năm 2020

(HS: 090411; 090412)

Thị trường	8 tháng năm 2020			So với cùng kỳ năm 2019 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá NKBQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá NKBQ
Tổng	21.493	62.599	2.913	-3,2	-16,5	-13,7
Bra-xin	8.943	19.795	2.213	5,7	-6,3	-11,3
Việt Nam	8.796	24.678	2.806	-2,7	-11,5	-9,0
In-đô-nê-xi-a	1.079	4.195	3.888	-21,8	-30,5	-11,2
Ấn Độ	752	3.945	5.246	-11,0	-22,8	-13,2
Căm-pu-chia	640	1.825	2.852	-9,3	-15,2	-6,4
Xri Lan-ca	426	2.916	6.845	-34,8	-49,6	-22,8
Hà Lan	362	1.678	4.635	-19,9	-20,5	-0,7
Ê-cu-a-đo	89	285	3.202	-6,3	-0,3	6,4
CH Séc	77	433	5.623	250,0	351,0	28,9
Áo	75	818	10.907	1,4	-20,6	-21,6
Thị trường khác	254	2.031	7.996	-45,4	-38,7	12,2

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế

8 tháng đầu năm 2020, Đức giảm nhập khẩu hạt tiêu từ hầu hết các nguồn cung chính, nhưng tăng nhập khẩu từ Bra-xin, Cộng hòa Séc và Áo. Tuy nhiên, lượng nhập khẩu từ thị trường Cộng hòa Séc và Áo ở mức thấp.

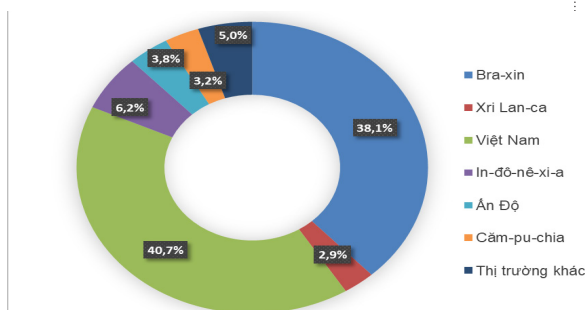
Nhập khẩu hạt tiêu của Đức từ Bra-xin trong 8 tháng đầu năm 2020 đạt 8,9 nghìn tấn, trị giá 19,8 triệu USD, tăng 5,7% về lượng, nhưng giảm 6,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần hạt tiêu của Bra-xin trong tổng lượng nhập khẩu của Đức

tăng từ 38,1% trong 8 tháng đầu năm 2019, lên 41,6% trong 8 tháng đầu năm 2020.

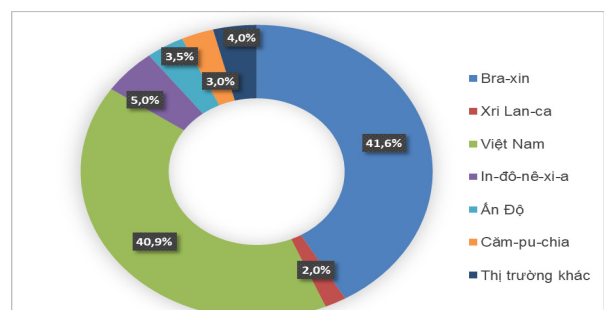
Ngược lại, nhập khẩu hạt tiêu của Đức từ Việt Nam trong 8 tháng năm 2020 giảm 2,7% về lượng và giảm 11,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, đạt 8,8 nghìn tấn, trị giá 24,68 triệu USD. Thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Đức tăng từ 40,7% trong 8 tháng đầu năm 2019 lên 40,9% trong 9 tháng năm 2020.

Cơ cấu nguồn cung hạt tiêu cho Đức (% tính theo lượng)

8 tháng đầu năm 2019



8 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế